



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán, Thuế, Tài chính doanh nghiệp, Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/03/2011)
Ông Lê Tuấn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/03/2011)
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/05/2011)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Số: 31/2011/UHY-BCKSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 28/07/2011, trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Thay vì đưa ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 19 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty vẫn đang trong giai đoạn đàm phán giá mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó, giá bán điện hiện tại tạm tính bằng 90% đơn giá bán điện năm 2010 theo Công văn số 629/EVN-TCKT ngày 03/03/2011. của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Sau khi có thỏa thuận giá mua bán điện chính thức, doanh thu trong kỳ có thể sẽ thay đổi và được điều chỉnh vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vào cuối năm.



Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1221/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.731.708.144	175.864.500.589
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.913.648.550	1.227.052.238
Tiền	111		3.913.648.550	1.227.052.238
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	35.118.141.795	119.126.251.282
Đầu tư ngắn hạn	121		35.118.141.795	119.126.251.282
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.307.157.585	49.849.997.677
Phải thu khách hàng	131		23.309.278.726	38.494.078.278
Trả trước cho người bán	132		409.591.545	123.750.000
Các khoản phải thu khác	135	6	10.588.287.314	11.232.169.399
Hàng tồn kho	140		6.029.301.214	5.109.636.963
Hàng tồn kho	141	7	6.029.301.214	5.109.636.963
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.363.459.000	551.562.429
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	152.048.529
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.363.459.000	399.513.900
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.097.052.669.092	1.143.553.500.449
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		861.065.597.792	923.387.097.949
Tài sản cố định hữu hình	221	11	848.031.091.903	913.048.101.068
- Nguyên giá	222		1.966.764.206.234	1.966.617.620.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.118.733.114.331)	(1.053.569.519.166)
Tài sản cố định vô hình	227	10	9.874.407.152	10.005.869.487
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(195.157.608)	(63.695.273)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.160.098.737	333.127.394
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	235.987.071.300	219.968.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		35.155.071.300	29.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.400.000.000	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		198.432.000.000	188.568.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		-	198.402.500
Tài sản dài hạn khác	268		-	198.402.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.177.784.377.236	1.319.418.001.038

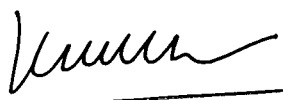
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		493.829.688.225	538.819.127.486
Nợ ngắn hạn	310		78.339.439.779	123.328.879.040
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	38.812.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		1.932.617.200	5.101.848.494
Người mua trả tiền trước	313		228.000.000	228.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.441.369.276	6.473.508.029
Phải trả người lao động	315		3.582.248.616	11.490.206.993
Chi phí phải trả	316	15	20.230.507.212	15.305.860.874
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	6.370.138.475	5.046.848.751
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.742.559.000	2.058.605.899
Nợ dài hạn	330		415.490.248.446	415.490.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	17	415.490.248.446	415.490.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		683.954.689.011	780.598.873.552
Vốn chủ sở hữu	410	18	683.954.689.011	780.598.873.552
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.194.370.607	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		18.189.693.756	12.057.749.614
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.350.154.189	12.197.387.119
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(51.779.529.541)	56.343.736.819
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.177.784.377.236	1.319.418.001.038

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	62.832.405.624'	128.991.765.703
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.832.405.624'	128.991.765.703
Giá vốn hàng bán	11	20	76.081.470.071'	81.337.366.518
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(13.249.064.447)'	47.654.399.185
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.172.959.621'	2.026.386.826
Chi phí tài chính	22		37.178.072.046'	33.124.116.988
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.178.072.046'	33.124.116.988
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.566.141.715'	4.284.557.017
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(51.820.318.587)'	12.272.112.006
Thu nhập khác	31		370.495.324'	1.077.000
Chi phí khác	32		329.706.278'	-
Lợi nhuận khác	40		40.789.046'	1.077.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(51.779.529.541)'	12.273.189.006
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	3.027.047.252
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(51.779.529.541)'	9.246.141.754
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	132

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Chi tiêu	Mã số	TM	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(51.779.529.541)✓	12.273.189.006
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		65.295.057.500✓	64.921.704.306
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(3.172.959.621)✓	(2.191.386.826)
- Chi phí lãi vay	6		37.178.072.046✓	33.124.116.988
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		47.520.640.384✓	108.127.623.474
động				
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		11.728.554.348✓	(2.344.580.175)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(919.664.251)✓	181.887.956
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(5.803.783.747)✓	(3.890.883.820)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		152.048.529✓	(34.362.287.072)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(35.060.397.051)✓	(10.747.954.783)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.502.511.336)✓	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		444.399.942✓	1.220.012.500
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(719.570.629)✓	(2.423.432.623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.839.716.189✓	55.760.385.457
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(503.117.685)✓	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(851.712.522)✓	(118.341.444.445)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		84.901.963.804✓	66.312.500.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16.019.071.300)✓	(9.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.130.817.826✓	3.457.828.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		70.658.880.123✓	(57.571.115.952)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.812.000.000)✓	(38.812.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.000.000.000)✓	(26.998.050.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(80.812.000.000)✓	(65.810.050.010)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.686.596.312✓	(67.620.780.505)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	1.227.052.238✓	108.965.928.799
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	3.913.648.550✓	41.345.148.294

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/03/2011 do Sở KHĐT Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Trung tâm Dịch vụ và Sửa chữa Cơ điện.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Thời điểm trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi kết thúc năm tài chính.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính này của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Công ty đang trong giai đoạn đàm phán giá bán điện, do đó giá bán điện hiện tại bằng 90% đơn giá bán điện năm 2010 theo Công văn số 629/EVN-TCKT ngày 03/03/2011. của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Sau khi có thoả thuận giá mua bán điện chính thức doanh thu trong kỳ sẽ được điều chỉnh tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	50.213.690✓	186.109.109
Tiền gửi ngân hàng	3.863.434.860✓	1.040.943.129
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	3.913.648.550✓	1.227.052.238

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn xác định trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	7.906.529.625	7.737.777.485
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.611.806.308	3.405.480.333
Phải thu khác	69.951.381	88.911.581
Cộng	10.588.287.314	11.232.169.399

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.201.563.135	3.882.714.202
Công cụ, dụng cụ	254.437.821	280.963.345
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.573.300.258	945.959.416
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	6.029.301.214	5.109.636.963

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Là số dư các khoản tạm ứng cho nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2011.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	3.160.098.737	333.127.394
Trong đó:		
+ Nâng cấp thiết bị thị trường điện	815.999.129	333.127.394
+ Đại tu tổ máy H1	2.052.817.923	-
+ Nhà xe khách	271.281.685	-
+ Xây dựng cơ bản khác	20.000.000	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043. Tại ngày 30/06/2011, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 151.624.776 đồng, giá trị còn lại là 5.651.722.409 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059. Tại ngày 30/06/2011, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 43.532.832 đồng, giá trị còn lại là 4.222.684.743 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THẮC MƠ
Khu K5, P. Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện, vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	1.242.551.573.754	597.751.383.753	116.854.031.938	9.460.630.789	1.966.617.620.234
- Mua trong kỳ	-	-	-	146.586.000	146.586.000
Tại ngày 30/06/2011	1.242.551.573.754	597.751.383.753	116.854.031.938	9.607.216.789	1.966.764.206.234
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	(601.250.456.447)	(376.716.022.350)	(66.209.403.978)	(9.393.636.391)	(1.053.569.519.166)
- Khấu hao trong kỳ	(22.074.230.394)	(36.578.961.486)	(6.471.146.190)	(39.257.095)	(65.163.595.165)
Tại ngày 30/06/2011	(623.324.686.841)	(413.294.983.836)	(72.680.550.168)	(9.432.893.486)	(1.118.733.114.331)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	641.301.117.307	221.035.361.403	50.644.627.960	66.994.398	913.048.101.068
Tại ngày 30/06/2011	619.226.886.913	184.456.399.917	44.173.481.770	174.323.303	848.031.091.903

424.015.545.952 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

12.641.238.277 đồng

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/06/2011 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Đầu tư vào Công ty con	35.155.071.300 ✓	29.000.000.000
Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	35.155.071.300✓	29.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.400.000.000 ✓	2.400.000.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	2.400.000.000✓	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	198.432.000.000 ✓	188.568.000.000
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	1.100.000.000✓	1.100.000.000
Công ty CP thủy điện Sêsan 4	9.978.000.000✓	9.978.000.000
Công ty CP thủy điện Sêrêpôk	10.800.000.000✓	10.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Đắkrosa	26.974.000.000✓	17.110.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000✓	149.580.000.000
Cộng	235.987.071.300 ✓	219.968.000.000

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	38.812.000.000 ✓	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21.312.000.000✓	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	17.500.000.000✓	35.000.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Thuế GTGT	2.004.421.848✓	929.887.644
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	148.555.210✓	4.651.066.546
Thuế thu nhập cá nhân	19.830.806✓	71.242.172
Thuế tài nguyên	1.268.561.412✓	821.311.667
Cộng	3.441.369.276 ✓	6.473.508.029

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.140.098.737✓	333.127.394
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.120.658.475✓	5.916.289.034
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	9.969.750.000✓	9.056.444.446
Cộng	20.230.507.212 ✓	15.305.860.874

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu K5, P. Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	110.067.190	138.760.427
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.719.565.912	4.370.227.326
Các khoản phải trả khác	1.540.505.373	537.860.998
Cộng	6.370.138.475	5.046.848.751

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	415.490.248.446	415.490.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	170.490.248.446	170.490.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	245.000.000.000	245.000.000.000
Cộng	415.490.248.446	415.490.248.446

- (1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ.

Từ 2011 đến 2015: Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

- (2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009.

Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 CỔ TÚC**

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/05/2011 quyết định chia cổ tức năm 2010 là 12% tính trên mệnh giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND
Tại ngày 01/01/2010	700.000.000.000				7.057.749.614		3.453.588.532		141.875.506.513		852.386.844.659
Lợi nhuận tăng trong năm	-		-		-		-		23.055.341.393		23.055.341.393
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-		-		5.000.000.000		8.743.798.587		(13.743.798.587)		-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		(3.843.312.500)		(3.843.312.500)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009	-		-		-		-		(49.000.000.000)		(49.000.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2010	-		-		-		-		(42.000.000.000)		(42.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	700.000.000.000		-		12.057.749.614		12.197.387.119		56.343.736.819		780.598.873.552
Tại ngày 01/01/2011	700.000.000.000		-		12.057.749.614		12.197.387.119		56.343.736.819		780.598.873.552
Lỗ trong kỳ	-		-		-		-		(51.779.529.541)		(51.779.529.541)
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-		-		10.326.314.749		1.152.767.070		(11.479.081.819)		-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		(2.864.655.000)		(2.864.655.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010	-		-		-		-		(42.000.000.000)		(42.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn (*)	-		4.194.370.607		(4.194.370.607)		-		-		-
Tại ngày 30/06/2011	700.000.000.000		4.194.370.607		18.189.693.756		13.350.154.189		(51.779.529.541)		683.954.689.011

(*) Tăng Vốn khác của chủ sở hữu đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000✓	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành, góp vốn đầy đủ	70.000.000✓	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000✓	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000✓	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000✓	70.000.000
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000✓	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.832.405.624✓	128.991.765.703
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện (*)	62.406.002.342✓	126.002.616.199
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	426.403.282✓	2.989.149.504

(*) Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đang trong giai đoạn đàm phán giá mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó, giá bán điện hiện tại được tạm tính bằng 90% đơn giá bán điện năm 2010 theo Công văn số 629/EVN-TCKT ngày 03/03/2011. của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Sau khi có thoả thuận giá mua bán điện chính thức, doanh thu trong kỳ có thể sẽ thay đổi và được điều chỉnh vào kết quả kinh doanh cuối năm.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	75.780.810.796✓	78.400.188.528
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	300.659.275✓	2.937.177.990
Cộng	76.081.470.071✓	81.337.366.518

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.172.959.621✓	2.026.386.826
Cộng	3.172.959.621✓	2.026.386.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

22.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu với các bên liên quan	62.406.002.343	128.347.373.018
- Công ty mua bán điện	62.406.002.343	126.002.616.200
- Công ty CP Thủy điện Đăk R'Tih	-	2.344.756.818
Chi phí với các bên liên quan	37.178.072.046	33.124.116.988
- Chi phí lãi vay Tập đoàn Điện lực	15.165.721.353	14.854.116.988
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	22.012.350.693	18.270.000.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Các khoản phải thu	21.890.213.670	34.954.445.774
- Công ty mua bán điện	21.874.759.125	34.911.945.774
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	15.454.545	42.500.000
Các khoản phải trả	112.000.000	9.297.200
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	112.000.000	-
Các khoản vay	415.490.248.446	493.114.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	170.490.248.446	213.114.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	245.000.000.000	280.000.000.000
Chi phí phải trả	17.090.408.475	14.972.733.480
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	7.120.658.475	5.916.289.034
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	9.969.750.000	9.056.444.446

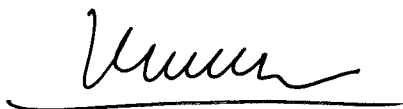
22.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty đã được soát xét.

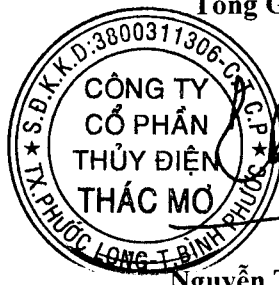
Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú